

ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT NIỆM PHẬT VIÊN THÔNG GIẢNG GIẢI

Lê Sỹ Minh Tùng
TỨC LÀ VIÊN THÔNG VỀ KIẾN ĐẠI

---o0o---

Nguồn

<http://thienphatgiao.com>

Chuyển sang ebook 07-11-2014

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

---o0o---

Ngài Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng với 52 vị Bồ-tát đồng tu một pháp môn cùng đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật :

- Tôi nhớ hằng sa kiếp trước có Đức Phật ra đời hiệu Vô Lượng Quang. Thời đó có 12 Đức Phật ra đời trong một kiếp. Đức Phật sau hết hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang dạy cho tôi phép niệm Phật tam muội : Rằng thập phương Như Lai thương nhớ chúng sinh như mẹ nhớ con. Nếu con cũng đồng nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì đời đời mẹ con không xa cách. Tâm chúng sinh nhớ tưởng Phật thì tâm ấy là Phật. Nhất định thấy Phật, không cần phương tiện nào khác. Ví như người ướp hương thì toàn thân thể sẽ thành thơm, ấy gọi là hương quang trang nghiêm. Chính tôi nhờ niệm Phật mà được vô sanh nhẫn. Nay ở cõi Ta bà, tôi nguyện hướng dẫn người niệm Phật để có được tịnh độ. Phật hỏi nhân duyên nào được viên thông, xin thưa: Tôi thu nhiếp tất cả sáu căn không vọng niệm. Do chánh niệm tương tục mà được Tam-ma-đề. Đối với tôi đây là pháp môn thù thắng nhất.

Đại là vô ngại tức là chẳng có gì lớn hơn, bao trùm tận hư không và gồm hết pháp giới. Do đó kiến đại tác động vào con mắt tạo thành tánh thấy bao trùm khắp cả.

Nếu nói theo thứ tự thì kiến đại phải đứng trước thức đại, nhưng ở đây lối trình bày của kinh là muốn giới thiệu kiến đại của Ngài Đại Thế Chí và Nhĩ căn viên thông của Đức Quán Thế Âm liên tục với nhau để hành giả có cơ hội dễ dàng đối chiếu, tu học. Khi Ngài Đại Thế Chí làm một động tác như đưa tay lên hay bước đi một bước thì thập phương thế giới đều rung động vì thế danh hiệu Đại Thế Chí Bồ Tát là do oai thế của Ngài mà kiến lập. So với tất cả các vị Bồ Tát thì Ngài là người có oai thần, trí lực cao nhất nên mới gọi là “Chí”. Trong Tây phương Tam Thánh nghĩa là những bậc thánh nhân xuất thế gian còn Không Tử hay Lão Tử là thánh nhân của thế gian thì Ngài Đại Thế Chí tượng trưng cho trí tuệ viên mãn rốt ráo, còn Quán Thế Âm Đại Sĩ tượng trưng cho đức đại từ đại bi. Các họa sĩ người Trung Hoa vì giàu óc tưởng tượng đã vẽ hình tướng hai Ngài Bồ Tát là hai mỹ nữ người Tàu, vóc dáng và xiêm y chẳng khác Tây Thi, Trịnh Đán ngày xưa. Đại Thế Chí và Quán Thế Âm là hai vị Đẳng giác Bồ Tát tức là sự giác ngộ gần đồng như Phật. Xiêm y của hai Ngài là y phục của người Tàu vào thời phong kiến giống như cái lương hát bội. Không lẽ mấy ngàn năm Bồ Tát hiện thân thành một người nữ chỉ có một lần và cả cái địa cầu rộng lớn bao la này tại sao Bồ Tát không ứng hiện tại Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan, Ấn Độ hay ngay cả Việt Nam mà duy nhất ở Trung Hoa? Không lẽ những quốc gia này không có chúng sinh cần độ hay sao? Ngày nay y phục này đã lỗi thời đâu còn ai mặc như thế nữa. Tại sao không phải là chiếc áo bà ba đơn giản hay chiếc áo dài thanh thoát của người Việt Nam? Không riêng gì Phật giáo có sự lầm lẫn, cuồng tín tạo sự tin tưởng sai lầm cho người Phật tử, đạo Thiên Chúa giáo cũng thế. Vào thời đế quốc La Mã thiết lập tòa thánh Vatican thì hình tướng của Chúa Giê-Su đã thay đổi không biết bao nhiêu lần. Có họa sĩ vẽ Ngài có tóc rất dài, mặt không có râu. Họa sĩ khác lại vẽ Ngài có tóc ngắn, mặt có râu. Có người vẽ nét mặt thon dài, lại có người khác vẽ mặt Ngài hơi đầy đặn. Vậy hình nào là hình thật? Chẳng có hình nào là thật vì chẳng có ông bà họa sĩ nào thấy được mặt thật của Chúa cả. Ở đây các vị Bồ Tát là những người khuất mặt siêu hình thì làm sao phàm nhân thấy được mà vẽ hình này, tướng nọ. Trong thế gian vũ trụ, hễ có sinh tất có diệt cho dù đó là thế giới cực lạc của Phật A Di Đà. Do đó sau khi Phật A Di Đà nhập diệt, Quán Thế Âm ngay lập tức thành Phật để tiếp nối và khi Quán Thế Âm nhập diệt, Đại Thế Chí liền tiếp nối thành Phật.

Đức Phật Thích Ca trong cõi Ta bà, Phật A Di Đà trong thế giới Tây phương cực lạc, Phật Dược sư trong cõi Đông phương hay các Chư Phật trong mười phương pháp giới đều có ba thân là :

1) Pháp thân (*Dharmakaya*) là pháp giới thanh tịnh của các Đức Như Lai lan tỏa trong khắp không gian làm sở y bình đẳng cho Báo thân và Ứng thân. Pháp thân thì luôn thường trụ, bất sinh bất diệt cũng được gọi là Pháp giới tánh, Như Lai

Tạng...Phật lấy Pháp Tánh Chân Như làm thân nên gọi là Pháp thân. Pháp thân là chỗ sở y chứa tất cả công đức trong Pháp giới. Vì Pháp thân là thường trụ nên Pháp thân ở khắp mọi nơi. Cho dù Phật nhập thể cứu độ chúng sinh thì Pháp thân cũng không tăng hay Phật có xuất thế thì nó cũng không giảm, lúc nào cũng vậy mà thôi. Cái Pháp thân này Phật và chúng sinh đều có như nhau, nhưng ở Phật thì nó sáng suốt chiếu soi rọi rõ còn ở chúng sinh thì nó bị vô minh che mờ nên không hiển lộ. Pháp thân chính là cái mà con người sẽ trở về sau khi diệt hết vô minh phiền não để phát huy trí tuệ sẵn có của mình. Vậy Pháp thân chính là cội nguồn, là Bản Thể của tất cả muôn sinh vạn vật. Đây chính là Bản Lai Diện Mục, là Phật tánh có sẵn trong tất cả mọi người.

2) Báo thân (*Sambhogakaya*) là thân tốt đẹp do công phu tu hành trải qua bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp mà có. Vì thế mà Đức Phật Thích Ca có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp rọi rỡ là vậy. Báo thân còn được gọi là “**tự thọ dụng thân**”.

Nếu chúng sinh đoạn trừ mọi vô minh phiền não thì tâm được hoàn toàn thanh tịnh. Cái thanh tịnh an lạc tự tại này chỉ có người đó biết và hưởng được còn người khác không hề cảm nhận hay san sẻ được thì cái quả thanh tịnh an nhàn này là tự thọ dụng thân. Cũng như uống một tách trà thơm ngon thì chỉ người uống trà mới biết được hương vị thơm ngon như thế nào mà thôi. Do đó nếu chúng ta bớt được một phần vô minh phiền não thì có được một phần thanh tịnh tức là có được một phần tự thọ dụng thân.

Còn Báo thân của chúng sinh thì gọi là *Karmakaya* tức là thân này là do quả nghiệp của tiền kiếp tạo thành. Muốn có thân thể khỏe mạnh sống lâu thì đừng bao giờ sát sinh. Muốn có giọng nói thanh tao trong trẻo thì đừng nên vọng ngữ. Muốn thân hình được đoan trang, đẹp đẽ thì đừng nghĩ tới tà dâm. Muốn gia đình được ấm no hạnh phúc thì đừng trộm cướp gian tham.

3) Ứng thân hay biến hóa thân (*Nirmanakaya*) Chư Phật do trí thành sở tác mà biến hóa ra thành vô lượng thân, ứng theo căn cơ của chúng sinh mà hóa độ. Phật A Di Đà là ứng thân của Phật trong cõi cực lạc và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là ứng thân của Phật trong cõi Ta bà này. Vì Ứng thân là thân thị hiện nên phải ảnh hưởng bởi luật vô thường là sinh, lão, bệnh, tử. Ứng thân cũng được gọi là “**tha thọ dụng thân**”.

Đối với Phật giáo thì báo thân hay tự thọ dụng thân có giá trị tuyệt đối vì chỉ có người được thức tỉnh giác ngộ mới hưởng được cái hương vị thanh tịnh an vui tự tại của giải thoát giác ngộ mà không một người nào khác có thể biết được. Khi chư Phật hay Bồ-tát thị hiện để hoằng dương đạo pháp thì chúng sinh có cơ hội học hỏi,

tu sửa và sống theo Chân lý để tự mình có được giải thoát giác ngộ thì ứng thân để cứu độ chúng sinh ra khỏi bể khổ sông mê gọi là tha thọ dụng thân.

Tóm lại ba thân của Đức Phật là : Pháp thân là Thể, Báo thân là Tướng và Ứng thân là Dụng. Tuy nói ba mà là một, tuy một mà ba tức là một là tất cả và tất cả là một.

Ngài Xuyên Lão Thiên Sư có viết rằng :

“Ứng Phật, Hóa Phật đều không thật

Bóng hình muôn thử thấy là quyền

Cái gì có tướng đều hư vọng

Chân Phật không hình vốn tự nhiên”.

Chữ “52” vị Bồ Tát đồng tu là ám chỉ cho 52 đẳng cấp từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác và sau cùng là Diệu Giác. Đây là tiến trình từ sơ phát tâm thẳng đến khi thành Phật. Pháp Vương Tử là con của đấng Pháp Vương và là những vị Bồ Tát ở địa vị Đẳng giác tức là gần ngang bằng với Phật. Ngoài Đại Thế Chí, Văn Thù Sư Lợi cũng là Pháp Vương Tử.

1) **Thập Tín** : Có khi nào chúng ta tự hỏi tại sao mình lại phải học Phật? Tại sao phải tu thành Phật? Phật là chơn tâm, là bản tánh của con người cho nên thành Phật là thành tự trí tuệ viên mãn của tánh đức. Nhưng Phật chính là tự tâm, là bản lai diện mục, vốn sẵn có đủ vạn đức, vạn năng nên tu Phật là hồi đầu thị ngạn tức là quay thuyền trở lại bến xưa mà thấy và sống được với Phật tâm, Phật tánh của chính mình. Muốn thành tựu những điều này, chúng sinh phải có lòng tin để đánh tan tà kiến mà tiến thẳng vào Bồ Tát đạo. Con người sau khi tu viên mãn địa vị Thập Tín sẽ nhập vào Sơ Trụ tức là bước đầu của Đại Thừa.

2) **Thập Trụ** : là luôn trụ trong tam muội nghĩa là trụ trong thanh tịnh, sống trong chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh, chẳng còn bị thoái chuyển.

3) **Thập Hạnh** : là thực hành pháp môn niệm Phật. Niệm Phật cũng ví như nấu nước sôi, cho dù là lửa lớn tức là công phu nhiều nhưng không liên tục thì nước không sôi. Ngược lại người niệm Phật phải kiên trì cũng như lửa tuy yếu, nhưng tiếp tục nấu hoài thì nước sẽ sôi.

4) **Thập Hồi Hương** : Xoay niệm hướng về tâm Phật và hồi hương tất cả công đức mình đã tích lũy về Phật tâm và cho tất cả chúng sinh tức là phá Ngã chấp.

5) **Thập Địa** : Hồi hướng viên mãn liền nhập Phật địa. Quả vị này rất gần với Phật.

Sau đó đi qua Đẳng giác rồi sau cùng tiến qua Diệu giác tức là thành Phật.

Trong vô lượng kiếp trước, có một vị Phật xuất thế tên là Vô Lượng Quang và sau đó có 12 vị Phật nối tiếp nhau xuất hiện trong một kiếp, dạy cho Ngài Đại Thế Chí phép Niệm Phật tam muội.

1) **Vô Lượng Quang Phật** còn có tên Vô Lượng Thọ Phật tức là Phật A Di Đà. Vô Lượng Quang là chỉ cho ánh sáng chiếu sáng rộng rãi khắp không gian vô cùng vô tận. Nói cách khác ánh sáng chiếu tới đâu là không gian tới đó hay không gian tới đâu thì ánh sáng tới đó. Do đó Vô Lượng Quang là chỉ cho về mặt không gian. Còn Vô Lượng Thọ là biểu tượng cho thời gian. Vô Lượng Thọ là sống lâu vô lượng nghĩa là suốt trong chiều dài của quá khứ và mãi mãi cho vị lai mà Phật A Di Đà vẫn còn sống. Nói cách khác có thời gian là có Phật A Di Đà. Vậy Phật A Di Đà là Phật biểu tượng cho cả không gian và thời gian. Nhưng trong thế gian cái gì là biểu tượng cho không gian và thời gian? Đó chính là vũ trụ. Thế thì Phật A Di Đà là biểu tượng của vũ trụ. Nói cách khác Phật A Di Đà là ám chỉ cho không gian thanh tịnh trùm khắp mười phương và thời gian thanh tịnh suốt ba đời. Do đó Phật A Di Đà là tự tánh thanh tịnh bản nhiên trùm khắp không gian và cái tánh thanh tịnh bản nhiên này cũng suốt cả chiều dài của quá khứ, hiện tại và vị lai. Vậy chúng sinh hiện giờ là đang ở trong pháp thân thanh tịnh của Phật A Di Đà bởi vì con người đang ở trong không gian và thời gian.

2) **Vô Biên Quang Phật** là Phật tiêu biểu cho giải thoát bình đẳng nhất như.

3) **Vô Ngại Quang Phật** là tiêu biểu cho “Thê tịch, dụng diệu”. Thê tịch là thê tánh thanh tịch, tịch tĩnh. Còn dụng diệu là khởi tác dụng nhiệm mầu tự tại. Nói cách khác thê tịch là chơn không còn dụng diệu là diệu hữu tức là bất biến tùy duyên.

4) **Vô Đẳng Quang Phật** là do tâm đại bi kiến lập để cứu giúp chúng sinh diệt hết nỗi khổ không ai có thể sánh bằng.

5) **Trí Huệ Quang Phật** là trừ bụi nhơ vô minh để có lợi ích chân thật vì chỉ có trí tuệ chân chánh mới phá được vô minh tăm tối.

6) **Thường Chiếu Quang Phật** : Chư Phật phóng quang, chiếu khắp thế giới. Tịch là tâm thanh tịnh, chiếu là tâm bình đẳng.

7) **Thanh Tịnh Quang Phật** : là giữ tam nghiệp thân, khẩu, ý thật thanh tịnh.

8) **Hoan Hỷ Quang Phật** : là làm cho tất cả chúng sinh an lạc.

9) **Giải thoát Quang Phật** : là muôn vàn gút mắc trong tâm đều tháo gỡ cả. Muốn có giải thoát giác ngộ thì người tu Tiểu thừa phải phá tan Kiến hoặc, Tư Hoặc, Vi tế hoặc và sau đó phá thêm Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc thì viên thành Đại Thừa Phật đạo.

10) **An Ổn Quang Phật** : Có sinh diệt là không được an ổn cho nên chúng sinh nên quay về với chơn tâm, với bản tánh bất sinh bất diệt của mình thì cuộc sống sẽ có an vui tự tại.

11) **Bất Tư Nghì Quang Phật** : Công đức và trí tuệ Phật là bất khả tư nghì, không thể nghĩ bàn.

12) **Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật** : là quang minh của Phật vượt xa mặt trời, mặt trăng.

Đây là những vị cô Phật và Đức Phật A Di Đà thành Phật mới vừa mười kiếp. Chính Siêu Nhật Nguyệt Quang Như Lai đã dạy Ngài Đại Thế Chí phép niệm Phật tam muội. Vậy có bao nhiêu phương pháp niệm Phật và thế nào là niệm Phật tam muội?

Niệm Phật tức là niệm tâm và có bốn phương pháp:

1) **Trì Danh Niệm Phật** : là thường xuyên chuyên niệm sáu tiếng “Nam Mô A Di Đà Phật”. Người niệm Phật nên nhất tâm chấp trì danh hiệu, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp và không gián đoạn. Mỗi ngày từ khi mới thức dậy cho đến lúc đi ngủ, hành giả phải nhớ niệm Phật luôn, không cho xen hở, gián đoạn. Khi đi, đứng, nằm, ngồi ngay cả khi ăn và trước khi đi ngủ hành giả đừng bao giờ quên niệm Phật. Ngoài ra, muốn cho có hiệu quả hơn, hành giả cần phải theo phương pháp “kinh hành niệm Phật” hay “tọa thiền niệm Phật”. Mỗi khi niệm xong, hành giả đều hồi hướng cầu sinh về tịnh độ. Pháp môn niệm Phật là một pháp môn giúp chúng sinh phá trừ vọng tưởng, mê lầm, chấp trước. Pháp môn này không đòi hỏi hành giả hiểu biết nhiều về Phật pháp nên người già, người trẻ, thượng căn, trung căn, hạ căn đều có thể niệm Phật, người khỏe mạnh cũng như kẻ đau yếu đều có thể niệm Phật.

2) **Quán Tượng Niệm Phật** : là thỉnh một bức tượng A Di Đà, rồi vừa niệm Phật vừa quán tưởng tướng hảo trang nghiêm của Phật A Di Đà đặc biệt là ánh hào quang, tướng bạch hào giữa hai mắt. Hành giả quán tưởng cho đến khi dù không có tượng, lúc mở mắt nhắm mắt đều thấy hình tượng Phật hiện rõ nơi trước mặt. Phương pháp này tương đối hơi khó vì cần phải có tinh lực mạnh, ký ức sâu và phương tiện khéo. Nếu hành giả không khéo dùng phương tiện thay đổi, bị hư hỏa xông lên mang chứng bệnh nhưc đầu khó trị. Tuy hơi khó, nhưng phương pháp này giúp người niệm Phật dễ đắc Niệm Phật tam muội và sau cùng đạt tới Nhất tâm bất loạn.

3) **Quán Tượng Niệm Phật** : Phương pháp này chỉ đơn thuần quán tưởng, không cần phải có tượng Phật trước mặt. Trong mười sáu phép quán, mười hai phép quán đầu đều là quán tưởng, phép quán thứ mười ba là quán tượng và phép quán thứ mười sáu là trì danh niệm Phật. Vậy chúng sinh quán tưởng cái gì?

Hành giả dựa theo kinh Quán Vô Lượng Thọ để quán tưởng y báo, chánh báo nơi cõi Cực lạc. Kinh dạy có mười sáu phép quán, nếu hành giả quán thuần thực thì lúc mở mắt hay nhắm mắt đều thấy cảnh Cực lạc hiện tiền, tâm thần dạo chơi nơi cõi tịnh và khi chết chắc chắn sẽ được vãng sinh. Công đức của pháp này lớn lao không thể nghĩ bàn, nhưng vì cảnh quán quá vi tế nhiệm màu sâu thẳm nên ít người hành trì được thành tựu. Trong Khế Kinh có dạy : ***”Nếu người quán tưởng Pháp thân Chân như của Đức Phật A Di Đà, thường tinh tấn tu hành, cuối cùng được vãng sinh, đạt được chánh định (tam muội).***

Quán rằng :

A Di Đà thân kim sắc

Tướng hảo quang minh vô đẳng luân

Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di

Cám mục trùng thanh tứ đại hải

Quang trung hóa Phật vô số ức

Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên

Tứ thập bát nguyện độ chúng sinh

Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.

Chúng sinh quán tưởng bài kệ tán thán Phật này cũng có thể đắc Niệm Phật tam muội.

4) **Thực Tướng Niệm Phật** là niệm Đức Phật nơi tự tánh, là niệm tánh Phật bản lai của chính mình. Đây là quán pháp thân thật tướng của Phật, kết quả sẽ chứng được Chân Như tam muội. Phương pháp này là thuộc về Thiền, nhưng cảnh giới do tâm Thiền hiển lộ lại là Tịnh độ nên cũng nhiếp về Tịnh độ. Pháp môn này không gồm thâm bậc trung, hạ căn và nếu không phải là bậc thượng thượng căn tất không thể ngộ nhập. Vì thế pháp môn này ít được đề xướng trong Tịnh độ tông. Nói cách khác thực tướng niệm Phật tức niệm mà không niệm, không niệm mà niệm thì thời điểm đó hành giả đi vào tham thiền. Cho nên người hiểu rõ niệm Phật chân chính không phản đối tham thiền và ngược lại người hiểu rõ thiền thì không chống đối người niệm Phật.

Vì Thật Tướng, Quán Tưởng và Quán Tượng niệm Phật tương đối hơi khó cho người niệm Phật, nên Ấn Quang Đại Sư dạy rằng :

“Chỉ duy trì danh mà chứng thật tướng,

Không cần quán tưởng cũng thấy Tây phương”.

Pháp môn Trì Danh Niệm Phật là phương pháp niệm Phật phổ thông nhất hiện nay, nhưng cũng được áp dụng với nhiều cách thức khác nhau tùy theo căn tánh của mỗi người.

1) **Phản Văn Trì Danh** : Đây là phương pháp mà miệng vừa niệm Phật, tai vừa nghe tiếng niệm vào trong và kiểm soát từng chữ từng câu thật rành rẽ rõ ràng. Nghe có hai cách, hoặc dùng lỗ tai nghe, hoặc dùng tâm để nghe. Tuy nói là nghe vào trong, nhưng không trụ nơi đâu rồi lần lần quên hết trong ngoài, cho đến quên cả thân tâm cảnh giới, thời gian không gian, sau cùng chỉ còn một câu Phật hiệu. Đây là phương cách dễ gạt trừ vọng tưởng, mau đạt được nhất tâm.

2) **Sổ Châu Trì Danh** : Phương pháp này thì miệng vừa niệm Phật mà tay vừa lăn chuỗi. Lúc đầu ý niệm còn ràng buộc nơi tràng hạt, nhưng sau lần buông bỏ đi đến cảnh nhất tâm. Tu theo lối này khiến cho niệm lực thêm mạnh mẽ, phát triển định tâm. Niệm như thế lâu ngày được thuần thục, không niệm vẫn tự niệm.

3) **Tùy Tức Trì Danh** : Là niệm Phật thâm, nương theo hơi thở. Mỗi hơi thở ra vào đều một câu Phật hiệu. Mạng sống con người nương theo từng hơi thở nên biết nương theo đây mà niệm, lúc nào cũng có Phật trong tâm.

4) **Truy Dẫn Trì Danh** : là cách niệm Phật nhỏ nhỏ tiếng, mỗi chữ mỗi câu đều kế tiếp nhau liên tủa chặt chẽ thành hình thể chữ sau đuổi theo chữ trước, câu nọ gói đầu câu kia. Nhờ sự kín đáo bền chặt, trung gian không xen hở nên tạp niệm không có chỗ len vào làm cho tâm miệng dừng tiến, oai lực của chánh niệm bao trùm tất cả khiến cho nghiệp tướng vô minh tạm thời chìm lắng và ánh mâu Tam Muội bộc phát chiếu xa. Đây là phương cách tốt nhất cho những người tu tịnh nghiệp trong lúc tình tướng mênh mang rối loạn.

5) **Giác Chiếu Trì Danh** : là một mặt niệm Phật, một mặt hồi quang soi trở lại chân tánh của mình. Do niệm như thế, hành giả sẽ đi vào cảnh giới hư linh siêu tuyệt, chỉ còn cảm giác thân tâm của mình hòa đồng vào chơn tâm của Phật, sáng tròn rực rỡ, đầy rộng mênh mang. Niệm theo đây thì tuy báo thân chưa mãn đã chứng tịch quang, Phật hiệu vừa tuyên liền vào Tam Muội. Đây là lối tu dành cho bậc thượng thượng căn mà thôi.

6) **Lễ Bái Trì Danh** : Phương thức này là vừa lạy vừa niệm Phật. Hành giả niệm một câu, lạy một lạy cho thật nhẹ nhàng chậm rãi, lễ niệm song hành, thân miệng hợp nhất. Nếu thêm vào đó ý thành khẩn tha thiết thì thành ra ba nghiệp đều tập trung. Đây là phương pháp phá trừ hôn trầm, công đức và hiệu lực rất to lớn vì hành giả phải vận dụng cả ba nghiệp để trì niệm.

7) **Ký thập Trì Danh** : là cách niệm ký số nghĩa là cứ lấy mỗi mười câu làm một đơn vị. Sau khi niệm đủ mười câu thì lần quan một hạt chuỗi. Niệm theo lối này thì tâm đã niệm Phật lại còn phải ghi nhớ số cho nên không chuyên bắt buộc phải chuyên bởi vì nếu không chuyên thì số mục liền sai lạc. Cách thức này rất công dụng cho người nhiều nhiều tạp niệm.

8) **Liên Hoa Trì Danh** : Lấy bốn sắc hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng vừa niệm vừa tưởng, luân lưu chuyển tiếp. Khi hành giả niệm câu Phật hiệu thứ nhất thì tưởng trước mặt mình hiện ra một đóa sen xanh to lớn phóng ánh sáng xanh. Câu thứ hai, tưởng hoa sen vàng phóng ánh sáng vàng. Cho đến câu thứ ba, thứ tư là hoa sen đỏ, trắng, màu nào phóng ánh sáng ấy. Kế tiếp tục tưởng lại hoa sen màu xanh, cứ như thế luân lưu mãi.

9) **Quang Trung Trì Danh** : Đây là phương pháp vừa niệm Phật, vừa tưởng mình đang ngồi giữa vùng ánh sáng trong suốt to rộng. Khi tâm đã an định trong vùng quang minh ấy, hành giả cảm thấy thần trí sáng suốt mát mẻ, không còn những tạp tưởng và các tướng uế ác cũng tiêu tan.

10) **Quán Phật Trì Danh** : Đây là phương thức lấy trì danh làm chánh, quán Phật làm phụ. Hành giả mỗi ngày sau khi niệm Phật nên để riêng một thời tịnh tâm quán

tướng sắc tướng quang minh của Phật A Di Đà. Tướng Đức A Di Đà thân cao một trượng sáu, sắc vàng ròng, đứng bên bờ thất bảo, lông trắng giữa đôi mày. Tướng bạch hào rồng không trong suốt như bạch ngọc.

Phương pháp niệm Phật thì nhiều không kể hết được, nhưng mười lối trì danh ở trên là để đối trị với tâm bệnh của người niệm Phật. Quý Phật tử có thể thử qua để thí nghiệm sự tác dụng của mỗi phương pháp và sau cùng đem ra áp dụng một lối niệm nào mà thích hợp với mình nhất.

Vì sở thích và túc căn của chúng sinh có sự sai khác nên con người mới phân chia ra thành Thiên, Giáo, Mật, Tịnh. Nhưng Phật pháp không hề có sai khác, cứu cánh giải thoát giác ngộ cũng không sai khác. Phương tiện tuy khác nhau, nhưng sau cùng cũng quy về một cứu cánh duy nhất là giải thoát giác ngộ cũng như trăm sông cùng đổ về biển lớn.

Trong phần này, tuy là nói về niệm Phật, nhưng hành giả cũng có thể cộng thêm thiên, giáo, mật vào để tăng thêm công lực mà mau có nhất tâm.

1) **Thiền Tịnh song tu** : có những hành giả lấy niệm Phật làm chánh, tham thiền làm phụ, nhưng lại lấy sự vắng sinh Tịnh độ làm yếu điểm chung cuộc còn việc thấy tánh ngộ đạo chỉ thuộc phần tùy duyên.

2) **Giáo Tịnh song tu** : Hành giả lấy niệm Phật làm chánh, tụng kinh làm phụ. Về phần tụng kinh, có người thích tụng Kinh Kim Cương hay Di Đà, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa hay phẩm Phổ Môn và Phổ Hiền Hạnh. Trong Pháp Bảo Đàn kinh có câu chuyện nói về một vị tăng tên Pháp Đạt đến tham vấn Lục Tổ với tâm niệm tự phụ vì đã tụng 3.000 lần bộ kinh Pháp Hoa. Khi Lục Tổ hỏi về nghĩa kinh thì Pháp Đạt thú nhận là không hiểu ý cùng căn bản của kinh. Lục Tổ sau khi giảng về “tông” của kinh thì có nói thêm rằng:

- Người thế gian, ngoài mê thì dính tướng, trong mê thì dính Không. Nếu đối với tướng mà lìa tướng, đối với Không mà lìa Không thì trong ngoài chẳng mê. Nếu hiểu rõ pháp này, một niệm tâm mở sáng, ấy là mở “Tri kiến Phật”.

Sau khi tỏ ngộ, Pháp Đạt có hỏi :

- Nếu vậy, hiểu được nghĩa, thì chẳng cần tụng kinh?

Lục Tổ đáp :

- Kinh có lỗi gì, há có ngăn trở sự tụng niệm của người đâu. Miệng tụng mà tâm làm theo nghĩa kinh, tức là mình chuyên kinh. Ngược lại, miệng tụng mà tâm chẳng làm theo kinh, tức là mình bị kinh chuyên.

3) **Mật Tịnh song tu** : Hành giả lấy niệm Phật làm chánh, trì chú làm phụ. Trong việc trì chú, mỗi người có thể chọn những chú như: Đại Bi, Chuẩn Đề, Vãng sanh, Công Đức Bảo Sơn, Văn Thù Ngũ Thanh thần chú, Lục Tự Đại Minh chân ngôn hay Thủ Lăng Nghiêm thần chú.

4) **Thuần Tịnh** : Hành giả chỉ chuyên niệm Phật, không xen tạp môn nào khác.

Tuy sở thích và túc căn của mỗi người có sai khác và mặc dù có tu theo những pháp môn khác, hành giả Tịnh độ cũng cần lưu ý đến hai phần chánh và trợ cho được phân minh. Dĩ nhiên phần chánh luôn luôn nhiều hơn phần trợ. Có như thế thì đường tu mới không mất mục tiêu và sự vắng sinh cũng không bị chướng ngại.

Tại sao dễ niệm Phật mà kết quả khó thành?

Người niệm Phật tuy miệng niệm nhưng tâm lại lạc vào trạng thái mê mờ, nặng nề muốn ngủ, nhà Phật gọi là vọng chướng hôn trầm. Hoặc miệng thì niệm Phật, nhưng tâm lại vẫn vướng nghĩ chuyện đâu đâu tức là vọng duyên tán loạn khiến cho hành giả không thể vào chánh định. Đôi khi có những trường hợp hành giả lúc đang hành trì, vọng tưởng chìm lắng, câu niệm Phật vẫn nghe đều đều, tâm tư êm dịu quên cả hiện tượng ngoại giới như nóng bức hay lạnh giá... Trạng thái này kéo dài từ nửa tiếng đến một giờ đồng hồ, có khi ra mồ hôi ướt cả áo mà không hay đến khi chợt tỉnh mới cảm biết trong người nóng bức hay lạnh buốt khó chịu. Đây là trạng thái hôn trầm nhưng thuộc về phần vi tế nhẹ nhàng chớ không phải tâm mình được an định.

Vọng tưởng cũng có hai phần là thô và tế. Vọng tưởng thô thì dễ biết vì hành tướng nó rất rõ ràng. Khi niệm Phật dụng công chặt chẽ kín đáo thì vọng tưởng thô cố nhiên phải lắng chìm, nhưng rất khó nhận được tướng qua lại của phần vọng tưởng vi tế. Chỉ có những người niệm Phật lâu, đến trình độ nước trong tâm lắng thì mới thấy biết được vọng tưởng vi tế. Ngài Bạch Thánh pháp sư, một buổi sáng từ nơi giường bước lại ghé ngồi, trong khoảng chừng ba giây đồng hồ đã phát giác trong tâm mình nổi lên đến vài mươi vọng niệm khác nhau. Đủ biết vọng tưởng vi tế nguy hiểm, tác hại biết bao.

Ngài Quang Huệ và Giới Diễn là hai vị thiên sư đều ngộ đạo. Một hôm trong khi cùng ngồi thiền, nơi tiềm thức của Ngài Giới Hiền chợt nổi lên một niệm sắc ái. Ngài liền diệt trừ, nhưng bên kia thiên sư Quang Huệ đã hay biết. Sau khi xuất

định, Ngài Quang Huệ làm bài kệ có ý trêu chọc Ngài Giới Diễn. Thiền sư Giới Diễn buồn thẹn, liền thân nhập diệt. Ngài Quang Huệ hối hận, cho gọi đệ tử đến phó chúc rằng: *"Bạn ta trong khi thiền định có một niệm sắc ái, sau tất lụy về sắc, vì phiền ta mà thị tịch, sau sẽ phá hoại Tam Bảo. Lỗi ấy một phần do ở nơi ta, nếu ta không theo hóa độ, tất sẽ mang lấy hậu quả"*. Dặn dò xong, Ngài cũng viên tịch theo luôn. Sau Quang Huệ chuyển thân làm thiền sư Phật Ấn còn Giới Diễn chuyển kiếp làm Tô Đông Pha. Vì Đông Pha kiếp trước có tu nên thi đỗ Tiến Sĩ vào đời vua Tống Nhân Tông (1056 Tây lịch) làm quan đến chức Hàn Lâm Học sĩ kiêm Binh Bộ Thượng Thư tương đương với chức Bộ Trưởng Giáo Dục và Bộ Trưởng Quốc Phòng thời nay. Ông thông minh trí tuệ mà cũng đa tài đa tình, có đến bảy người vợ và thường đem sự thông minh bác lãm của mình mà vắn nạn các vị thiền sư. Về sau Ngài Phật Ấn chiết phục, ông mới quay về đường lối tu Phật. Bất cứ đi đâu, ông cũng mang theo bên mình một bức tượng tranh của Phật A Di Đà và bảo cùng với mọi người rằng : *"Đây là quyển sổ Niệm Phật của tôi"*. Đến khi tuổi già, nằm trên giường bệnh, trong giờ phút tối hậu, có Thiện Tri Thức nhắc nhở niệm Phật, ông phều phào trả lời rằng :

- Tôi vẫn biết niệm Phật có công đức không thể nghĩ bàn. Nhưng khổ nỗi, hiện giờ thân thể tôi đau nhức quá, không sao niệm Phật được.

Nói xong đoạn qua đời. Tiếc thay cho Ngài Giới Diễn, một cao tăng ngộ đạo khi xưa mà kiếp này như thế! Chẳng biết kiếp sau sẽ lạc về đâu trong sáu nẻo luân hồi!

Vì thế vọng tưởng vi tế rất nguy hiểm ngay cả những bậc chân tu còn phải e dè co nên cỏ nhân cũng có câu :

"Công phu không thiếu cũng không dư

Muôn kiếp tham si chữa dễ trừ".

Khi loạn tưởng nhiều, hành giả nên ngồi yên nhiếp tâm niệm Phật. Lúc hôn trầm đến thì nên đứng lên vừa niệm vừa kinh hành. Cứ dùng hai oai nghi này thay đổi mãi, lâu ngày chướng duyên ấy sẽ tiêu trừ. Thêm nữa, hành giả lắng tai nghe rành rõ từ tiếng từ câu niệm Phật thì tâm không tán loạn.

Thế nào là Niệm Phật tam muội?

Tam muội có nghĩa là chánh định hay chánh thọ. Vì thế niệm Phật khi có được chánh định thì gọi là niệm Phật tam muội. Chánh thọ nghĩa là khi tâm đã thanh tịnh thì chánh thọ sẽ thành bất thọ tức là không còn thọ cái gì cả. Hằng ngày, con người thọ biết bao thứ trên cõi đời, nào là thọ vui, thọ buồn, thọ khổ, thọ mừng, thọ ghét,

thọ yêu, thọ giận... Càng thọ thì chúng sinh càng khổ, tâm càng bất tịnh. Vậy thọ chính là biểu tượng của vô minh, là nhân của đau khổ cho nên nếu không thọ tức thì vô minh mất, khổ đau tan biến. Không thọ thì không đặt niềm hy vọng mà không hy vọng thì không sợ bị thất vọng nên không còn khổ. Khi những ma chướng như tham-sân-si dấy khởi làm cho con người sống trong chấp chồng đau khổ, bây giờ biết quay về niệm Phật. Niệm cho đến khi vọng tưởng tan biến, tâm không còn giận, còn hờn, còn tham đắm si mê thì con người đã dùng lửa tam muội đốt sạch vô phiền não rồi. Vậy lửa tam muội không gì khác hơn là năng lực niệm Phật hay tham thiền để xoay tâm trở về với tự tánh bản nhiên thanh tịnh mà có an lạc Niết bàn.

Người niệm Phật khi đến chỗ tuyệt đỉnh tận cùng khiến tâm rất định thì cái định thể này là Niệm Phật tam muội. Hành giả sẽ cảm nhận cảnh hư linh sáng lặng, vọng giác tiêu tan và tâm chỉ còn trụ nơi tướng hảo hoặc hồng danh của Phật. Tuy nói là trụ, nhưng thật ra là vô trụ vì âm thanh sắc tướng đương thể như huyễn tức là không. Khi chúng sinh chuyên nhất niệm Phật, luôn giữ chánh niệm, quên hết thân tâm ngoại cảnh, tuyệt cả không gian thời gian đến khi sức cực công thuần thì nơi đương niệm trần vọng bỗng thoát tiêu tan, tâm thể bùng sáng, chứng vào cảnh giới vô niệm vô bất niệm tức là niệm mà không niệm, không niệm mà niệm nghĩa là không thấy biết mới là sự thấy biết chân thật còn có thấy biết tức lạc theo ngoại trần. Đến đây thì tâm thể hoàn toàn sáng suốt rỗng rang, tịch mà chiếu, chiếu mà tịch, đều còn đều mất, tuyệt đãi viên dung.

Kinh dạy Phật nhớ chúng sinh như mẹ nhớ con và nếu con cũng nhớ mẹ thì đời đời không ngăn cách nghĩa là tuy Phật vì lòng từ bi thương xót chúng sinh còn lặn hụp trong sông mê bể khổ, muốn đem giáo pháp nhiệm mầu để cứu vớt họ đến bờ giải thoát, nhưng nếu chúng sinh không hồi đầu thì ngạn quay về nương tựa nơi Phật pháp thì Phật cũng chẳng độ được tức là mẹ con vẫn xa cách nghìn trùng. Trong tất cả mọi chúng sinh, ai ai cũng đều có Phật tâm, Phật tánh như nhau, nhưng vì sống trong điên đảo, chạy theo vô minh phiền não nên mới xa dần chơn tánh của mình. Do đó nếu bây giờ biết thức tỉnh quay thuyền trở lại bến xưa, nương tựa nơi chánh pháp thì Phật tánh hiện tiền tức là Phật và chúng sinh là một nghĩa là mẹ con tương ngộ tương phù.

Kinh lại dạy tiếp rằng : “*Nếu tâm chúng sinh nhớ Phật thì tâm ấy là tâm Phật, nhất định sẽ thấy Phật*”. Nhưng thấy Phật bằng cách nào? Thấy Phật bằng tướng hay bằng định? Thấy tướng là còn thấy sinh diệt, còn thấy trong định là tâm chẳng còn tán loạn. Ngày nay người niệm Phật thì nhiều, nhưng thành công thì ít, nguyên nhân là do miệng niệm Phật nhưng tâm không niệm, niệm thứ nhất vừa mới tinh

thuần thì niệm thứ hai bèn xen tạp nên không có định, vọng tưởng vẫn còn đầy khởi nên không có kết quả.

Con người vì chẳng thể đoạn tham cầu ái dục, các thứ hưởng thụ trong cuộc sống nên lòng lưu luyến khó buông xả. Sợi dây ràng buộc càng to, càng rắn chắc thì càng khó đứt. Nó chính là căn nguyên cội rễ phát sinh ra Kiến hoặc, Tư hoặc tạo ra biết bao phiền não để cột chặt con người vào những hệ lụy của phiền não khổ đau, vào vòng sinh tử trầm luân. Vì thế trong pháp “Như huyền Tam-ma-đề” giúp chúng sinh nhận thấu vạn pháp giai không, như huyền, không bèn không chắc nên dễ tháo gút mở dây.

Tất cả phương cách niệm Phật trên thực tế chỉ là “Sự Niệm” vì tâm còn dựa theo sắc tướng âm thanh tức là còn lấy thức tâm sinh diệt làm nhân địa tu hành thì không bao giờ thành giác. Nhưng sự diệu dụng nhiệm màu của Phật pháp là ban đầu hành giả tuy có nương theo âm thanh sắc tướng, nhưng dần theo thời gian âm thanh sắc tướng cũng tiêu tan, biến mất và sau cùng đạt được mục đích tối hậu là niệm Phật đến chỗ vô niệm thì thấy được Pháp thân thanh tịnh của mình. Nhưng thế nào là vô niệm? Niệm là ý niệm, là ý nghĩ. Vô là không. Dựa theo lời giải thích của Lục Tổ Huệ Năng thì Vô là không vọng niệm, còn Niệm là thường niệm chơn như bốn tánh. Nói thế “chơn như bốn tánh là thể và niệm là dụng”. Do đó nếu chơn như tự tánh không khởi niệm thì sáu căn cho dù có thấy nghe cũng không vì thế mà đắm nhiễm với ngoại trần. Được như thế là vô niệm. Nói cách khác niệm Phật đến một công phu nhất định, lúc ấy vọng thức không còn, tâm hằng thanh tịnh thì sẽ nhập vào “Lý Niệm” tức là có thể thấy được Pháp thân thường trụ của mình, thấy Phật nơi tự tánh, Phật tâm bình đẳng thanh tịnh.

Vì thế Lục Tổ Huệ Năng cũng dạy rằng : ”**Kẻ mê thì niệm Phật hy vọng vãng sinh Tây phương, người ngộ cũng niệm Phật nhưng chỉ cần thanh tịnh tâm mình**”. Tại sao? Người mê thì thấy mình và Phật là hai thực thể khác nhau, cách biệt ngàn trùng nên mới cầu đến phương Tây để gặp Phật, ngược lại kẻ thức tỉnh giác ngộ biết rằng tâm mình chính là tâm Phật nên chỉ sống với tâm thanh tịnh an lạc thanh nhàn mà không cần cầu Phật ở đâu xa.

Đối với người sơ cơ thì Phật Thích Ca dạy có Phật A Di Đà ở cõi Tây phương cách xa trái đất mười vạn ức cõi Phật, nhưng đây chỉ là phương tiện, là Phật nói quyền giúp chúng sinh tin theo đó mà niệm Phật để giải trừ vô minh, vọng chấp. Cũng ví như câu chuyện tham tiền niệm Phật vậy. Ban đầu vì tham tiền mà niệm Phật, càng niệm thì càng có nhiều tiền. Nhưng niệm đến khi vô niệm vô biệt niệm tức là có được nhất tâm thì tiền cũng không tham, thấy tiền như thấy rác. Do đó khi đã hiểu đạo rồi và một khi tâm mình được thanh tịnh thì ở nơi đó và ngay trong thời điểm

đó Phật A Di Đà hiển hiện trong tâm của ta rồi. Lúc ấy lầu vàng gác tía cũng chẳng ham, vãng sinh cũng chẳng mong cầu vì sống với chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh là có Cực lạc, là được vãng sanh rồi. Vì thế mà kinh Duy Ma Cật nói rằng **“Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh”** nghĩa là một khi tâm mình thật thanh tịnh thì nơi ấy chính là cõi Phật A Di Đà. Vì thế mà Đức Phật Thích Ca và biết bao đệ tử của Ngài ở đâu và bất cứ lúc nào tâm cũng hằng thanh tịnh, tự tại Niết bàn. Ngược lại chúng sinh phàm phu tâm bất tịnh, phiền não vô minh lúc nào cũng nổi dậy, lòng còn tham đắm dục tình nên tu hành là phải xả bỏ mà lại muốn hưởng cao sang phú quý và an dưỡng nơi giàu sang Cực lạc.

Ngày xưa vua Trần Thái Tông rời cung điện nguy nga, leo trèo lặn lội, núi hiểm suối sâu tìm lên núi Yên Tử để tìm Phật thì Quốc sư Trúc Lâm nói rằng : **”Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết gọi là Chơn tâm. Nay bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc cầu bên ngoài”**.

Câu giảng rất nổi tiếng của Ngài Mã Tổ Đạo Nhất (đệ tử đời thứ hai của Lục Tổ Huệ Năng) là **“Tức Tâm Tức Phật”**. Ngài đã giảng nó như sau : **“Phàm người cầu pháp nên không có chỗ cầu, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm, không lấy thiện chẳng bỏ ác, hai bên như sạch đều không nương cậy”**. Ngài dạy thêm : **”Vọng tưởng đã trừ tức là vô sanh. Pháp tánh sẵn có, có chẳng nhờ tu”**. Ngài muốn nhắc nhở chúng sinh là ai ai cũng đều sẵn có Chơn tâm, Phật tánh chớ không phải vì tu tập đắc đạo mới có. Ngài nhấn mạnh rằng Tâm đó tức là Phật do đó nếu con người đi tìm Phật ở ngoài Tâm đó là làm một điều vô ích chẳng khác nào “mang Phật đi tìm Phật”. Sau cùng Mã Tổ còn dạy rằng: **”Tâm bình thường là Đạo”**. Theo Ngài thì thế nào là tâm bình thường? Đó là không tạo tác, không hơn thua phải trái, không thủ xả, không đoan thường, không phàm thánh.

Vậy niệm Phật có những lợi ích gì?

1) **Nếu nói về Sự** thì niệm Phật sẽ trừ được các phiền não. Tâm của chúng sinh cũng như dòng nước luôn tuôn chảy, nếu pha những chất dơ bẩn thì nước trở thành vẩn đục, như nhớt. Ngược lại nếu pha vào dòng nước những chất thơm tho thì nước sẽ trở thành thơm mát. Do đó nếu tâm chỉ nghĩ đến những cảnh tượng phiền não khổ đau thì luôn luôn sẽ bị phiền não khuấy đục. Ngược lại niệm Phật một giờ thì có một giờ an lạc, một ngày thì có một ngày an lạc. Chúng sinh hằng ngày chuyên nghĩ đến những điều tội lỗi như tham-sân-si...và miệng thốt ra những lời tội ác, thân làm những việc xấu xa. Nay nếu biết niệm Phật thì bộ ba thân, khẩu, ý không có cơ hội thực hành những ác nghiệp, tâm trí sẽ sáng suốt, bệnh tật cũng vì thế mà thuyên giảm và cuộc đời sẽ vô cùng an vui tự tại.

2) **Lợi ích về Lý** : Khi hành giả niệm Phật đến chỗ nhất tâm bất loạn thì không còn các vọng tưởng và chơn tâm thanh tịnh hiện ra. Chơn tâm thường trú không sinh diệt hư hoại nên gọi là “Thường” và thể tánh tịnh minh sáng suốt là “Quang” và tâm thanh tịnh vắng lặng là “Tịch”. Do đó cảnh “**Thường, Tịch, Quang**” **Tịnh độ chỉ ở nơi chơn tâm ta chớ không đâu khác.**

Thêm nữa, chơn tâm không hoại diệt là “Phật Vô Lượng Thọ”, chơn tâm chiếu soi vô tận là “Phật Vô Lượng Quang” và đó tức là “Thanh tịnh diệu Pháp thân” của Phật A Di Đà.

Nói cho cùng, **người niệm Phật đến khi hết vọng, ngộ nhập chơn tâm rồi thì Phật A Di Đà hay cảnh Tịnh độ cũng chỉ nơi tâm mình hiện ra, chớ không phải ở đâu xa.** Vì thế nên Kinh dạy rằng : ”**Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh độ**” là vậy.

Đến đây chắc có người sẽ thắc mắc về Phật A Di Đà và cảnh giới cõi Cực lạc, chúng tôi xin kể lại câu chuyện của một vị tăng hỏi Ngài Triệu Châu rằng :

- Con chớ có Phật tánh không?

Ngài Triệu Châu đáp :

- Có.

Vị tăng khác lại hỏi :

- Con chớ có Phật tánh không?

Ngài Triệu Châu bây giờ đáp :

- Không.

Tại sao Ngài có lúc nói có, có lúc nói không?

Ngài Triệu Châu chỉ dùng phương tiện mà phá cái chấp của chúng sinh. Đối với người chấp có Phật tánh (Phật A Di Đà) thì Ngài nói là không tức là dùng cái không để phá chấp có. Còn người chấp không thì nói có nghĩa là dùng cái có để phá chấp không. Phật tánh là chơn không, vô hình vô tướng thì làm sao diễn tả được mà nói là có hay không. Con người phải lìa văn tự, ngữ ngôn thì mới ngộ được chơn tâm, Phật tánh. Vì thế trong kinh Kim Cang, Phật dạy rằng : ”**vô pháp khả thuyết gọi là thuyết pháp**” nghĩa là không có pháp để cho Như Lai thuyết bởi vì cái mà nói được thì nằm trong vòng lẩn quẩn tương đối, sinh diệt còn chân lý là

pháp tuyệt đối, vô hình vô tướng, bất sinh bất diệt thì làm sao nói được. Đó đó “có” hay “không” chỉ là phương tiện để đối trị với bệnh chấp của chúng sinh.

Trong kinh Lăng Già có câu : ”**liã tứ cú, tuyệt bách phi**”.

Vậy thế nào là tứ cú?

Có là cú thứ nhất, không là cú thứ nhì, cũng có cũng không là cú thứ ba, chẳng có chẳng không là cú thứ tư.

Con người chấp cái “có” thì Phật nói “không” để đối trị cái có. Chúng sinh chấp “không” thì Phật thấy bệnh chấp vẫn còn nên dùng “có” để phá. Chúng sinh thấy Phật phá có, phá không cho là “chẳng có, chẳng không” thì lại chấp chẳng có, chẳng không. Phật thấy chúng sinh bệnh chấp vẫn còn nên phải dùng “cũng có, cũng không” để phá. Phật dùng phương tiện để phá mà chúng sinh tưởng thật nên tin “cũng có, cũng không” là chân lý nên sau cùng Phật phải đối lại “chẳng có, chẳng không”. Vì vậy ***có cũng phá, không cũng phá, chẳng có chẳng không cũng phá, cũng có cũng không cũng phá*** nghĩa là ***tứ cú đều phá hết, không trụ nơi có, không trụ nơi không, không trụ nơi chẳng có chẳng không, không trụ nơi cũng có cũng không tức là vô sở trụ thì lúc ấy Phật tánh (A Di Đà) mới hiện tiền.***

Kinh dạy tiếp : ”*Đến đây thì như người ướp hương, thân có mùi thơm gọi là Hương Quang Trang Nghiêm*”. Đứng về mặt bản thể chơn tâm mà nói, tâm Phật và tâm chúng sinh vốn nào có khác, cùng đồng một bản thể thanh tịnh. Trong thế gian, phàm nhân dùng tướng tượng, dùng duy tư, dùng duy tưởng để nhận biết thì cái biết này là “thế trí biện thông” nghĩa là cái biết, cái trí thức thông thường còn sai lạc. Ngược lại, một người tâm đã định thì cái định này như tấm gương, tịnh như nước lặng mới có thể đưa hành giả thấy được chân tướng, thật tướng của nhân sinh vũ trụ, có thể thấy rõ ràng quá khứ, hiện tại và vị lai. Đó là định tuệ bình đẳng phát sinh tức là có định thì trước sau cũng phát sinh trí tuệ. Khi đã có Bồ-đề, có giác ngộ thì tham-sân-si, mạn, nghi biến mất. Những ô nhiễm trần thế không còn thì thân tâm bấy giờ hoàn toàn thanh tịnh, sáng suốt rỗng rang nên tỏa mùi hương (Giới-Định-Tuệ) trang nghiêm khắp cùng thế giới. Vậy hương ở đây chính là Giới-Định-Tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến hương cho nên nếu đem hương này chia cho toàn thể thế giới thì cũng không bao giờ hết. Người thấy mùi hương là thâm nhập giới, định, tuệ hương nên có giải thoát làm cho thân tâm được thanh thoát nhẹ nhàng.

Thế nào là ngộ vô sanh nhân?

Vô sanh nhãn tức là vô sanh pháp nhãn. Khi tư duy quán chiếu để nhìn vạn pháp vô sanh thì cũng có nghĩa là nhìn vạn pháp vô diệt. Thí dụ khi nhìn một nụ hoa thì làm sao biết được tánh vô sanh của nó? Khi nhìn đóa hoa mới nở thì chắc chắn là nụ hoa sanh và vài tuần sau, hoa tàn thì nói rằng nụ hoa diệt. Nhưng đây chỉ là cái nhìn thiên cận của phàm nhân, còn cái nhìn của Bồ-tát tu hành chứng đắc, ngộ được vô sanh là ngay trong lúc nụ hoa mới nở thì cái sinh đã có diệt trong đó rồi. Ngược lại trong lúc nó tàn úa thì các vị Bồ-tát lại nhìn cái diệt là bắt nguồn cho cái sinh khác. Đó là hiện tượng quy về bản thể và bản thể duyên khởi thành ra hiện tượng thành ra có cái gì là thật sinh hay cái gì là thật diệt đâu. Nói cách khác sinh để rồi diệt, diệt rồi lại sinh, sinh sinh diệt diệt vô cùng vô tận nên sinh diệt, sống chết là chuyện thường, chẳng có gì quan trọng nên không còn lo sợ, khổ đau. Chúng sinh khi thấy mình già yếu, bệnh tật thì đau khổ buồn phiền. Ngược lại, đối với Bồ-tát thì sống chết là chuyện bình thường, tử sanh là trò dâu biển nằm trong chu kỳ bất biến tùy duyên rồi tùy duyên bất biến thế thôi. Vì vậy với tuệ nhãn của Bồ-tát hay Phật nhãn của chư Phật thì nhìn vạn pháp sanh mà không thật sanh và diệt nhưng không phải là mất hẳn nghĩa là sinh để rồi diệt và diệt rồi để lại sanh, sinh sinh diệt diệt vô cùng vô tận. Đây là chứng ngộ chân lý vô sanh pháp nhãn vậy.

Trên đây là lối lý luận dựa theo tinh thần Bát Nhã vì thế người chứng được vô sanh nhãn là đã đạt đến trình độ Bát địa hay Cửu địa trong Thập địa nghĩa là họ dùng tịnh niệm chân chính để diệt trừ tà kiến, vọng tưởng và các thứ nhiễm ô tư tưởng. Nói cách khác, trước kia thấy đời là năm thứ ác trực, bây giờ tâm thanh tịnh rồi thì cũng cái thế giới đó mà thấy rất thanh tịnh. Vì thế kinh Duy Ma Cật cũng dạy rằng : **”Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh”** nghĩa là một khi tâm mình thanh tịnh thì thế giới chung quanh là cõi Phật thanh tịnh tức là tâm an thì thế giới an vậy.

Kinh lại dạy rằng : **”Phật chẳng độ chúng sinh”** nghĩa là tâm Phật và tâm chúng sinh vốn đồng một thể, nhưng chúng sinh chạy theo tâm sinh diệt, tâm hư vọng nên thấy toàn tướng hư vọng. Đến khi tâm được hoàn toàn thanh tịnh, rỗng rang thì chơn tâm, Phật tánh hiển bày. Vì thế Phật chẳng độ là khả năng tự chứng được hay không là do công phu của chính mình tức là tự lực. ***Ngài Đại Thế Chí chỉ nhờ chuyên cần niệm Phật tức là hoàn toàn nhờ vào khả năng tự lực mà chứng được vô sanh pháp nhãn, có được trí tuệ trong sáng, viên thông tự tại.*** Trong 48 đại nguyện của Phật A Di Đà có 31 điều mà hàng Bồ Tát, nhơn, thiên phải tự lực tu hành. Có 16 điều nói về những thù thắng của cõi Cực lạc. Chỉ có một điều, đó là điều thứ 18 liên hệ đến tha lực của Phật A Di Đà. Điều 18 đại ý nói rằng : **”Thập phương chúng sinh chí tâm tin mộ muốn sinh về cõi Cực lạc chỉ cần 10 niệm là được toại nguyện, trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch, phi báng chánh pháp”**. Nhưng trong 31 điều tự lực, hành giả phải dùng Thiền định để đạt được **“Niệm Phật Nhất Tâm**

bất loạn” mà chúng được Bát Nhã tam muội, Không tam muội và Vô Tranh tam muội...

Có một Thiên sư tu đặc đạo, đạt được minh tâm kiến tánh nên danh tiếng truyền tới kinh thành. Nhà vua rất ái mộ, sai quan lớn lên núi thỉnh Thiên sư về kinh thành để vua hỏi pháp. Thỉnh một lần cũng không đi, hai lần cũng không đi đến lần thứ ba vua nổi giận mà phán rằng :

- Nếu kỳ này thỉnh Thiên sư không đi thì đem cái đầu ông ấy về kinh thành.

Viên đại quan lên núi thuật lại với Thiên sư và lời phán của vua và nói rằng :

- Tôi không dám lấy đầu của Ngài, nhưng tôi về không thì vua sẽ lấy đầu của tôi. Ngài hãy thương tôi mà đi.

Thiên sư đáp :

- Đi thì đi.

Rồi Thiên sư hỏi trong số đệ tử có ai muốn đi theo không?

Có một đệ tử ra nói :

- Con theo thầy đi.

Thiên sư hỏi :

- Một ngày con đi được mấy dặm?

- 5 0 dặm.

Thiên sư đáp :

- Không được.

Đệ tử khác nói :

- Con xin đi theo thầy?

- Một ngày con đi bao nhiêu dặm?

- 70 dặm.

- Không được

Một đệ tử khác cũng xin đi.

- Một ngày con có thể đi bao nhiêu dặm.

- 90 dặm.

- Không được.

Người nào cũng không được, sau cùng người thị giả nói :

- Con xin theo thầy.

Thiền sư lại hỏi :

- Một ngày con đi bao nhiêu dặm?

Thị giả đáp :

- Không biết, thầy đến đâu thì con đến đó.

Thiền sư hài long :

- Vậy là được.

Thiền sư ngồi ngay lại liền tịch diệt (nhập diệt) và người Thị giả cũng tịch theo luôn. Quan lớn thấy thế hoảng sợ, chứng tỏ oai quyền của vua chỉ áp chế cho người thường, chớ không thể áp dụng cho bậc chứng đắc được. Bởi vì Thiền sư đạt được minh tâm kiến tánh, chứng vô sanh pháp nhẫn nên sanh tử tự do, nói đi là đi liền.

Sau khi thành đạo, Đại Thế Chí Bồ Tát *nguyện hướng dẫn người niệm Phật để có được tịnh độ*. Vì thực hành "Như huyền Tam-ma-đề" nên Bồ Tát thấy mình là huyền, vào huyền thế gian, độ cho huyền chúng sinh đắc thành huyền quả và có huyền tịnh độ. Đối với Bồ Tát thì trên đời này chẳng có cái gì là thật cả. Nếu thế gian là không thật thì tịnh độ làm sao thật được? Các Ngài vào thế gian để giáo hóa, hướng dẫn chúng sinh biết niệm Phật, biết nhiếp tâm vào câu niệm Phật để hóa giải hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà có được nhất tâm. Nhất tâm chính là chơn tâm, là tự tánh thanh tịnh bản nhiên của tất cả mọi người. Nếu chúng sinh niệm danh hiệu Phật A Di Đà để dẹp trừ vọng tưởng, chấp trước thì mỗi câu niệm sẽ quét sạch vọng tưởng làm tâm thanh tịnh. Ví như ngọn đèn vốn sáng, nhưng vì gió lay động làm ánh sáng bị lu mờ. Nếu bây giờ chụp cái bóng che gió

vào thì ngọn đèn sẽ bùng sáng. Do đó, nếu chúng sinh suốt ngày trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà, biết chú tâm vào hồng danh này khi làm việc, lúc nghỉ ngơi cho đến lúc nhất tâm bất loạn thì cái ảo ảnh nhị nguyên của vô minh, cái tâm phân biệt, có chúng sinh có Phật sẽ chấm dứt và họ sẽ chứng ngộ được chân lý nhiệm màu ngay. ***Khi tâm đã hoàn toàn thanh tịnh thì cảnh Tịnh độ cũng chỉ nơi tâm mình hiện ra, chớ không phải đâu xa bởi vì cảnh giới cho dù là tận hư không cùng khắp pháp giới đều là do tâm tánh con người biến hiện.***

Vậy thế nào là nhiếp trọn sáu căn?

Đại Thế Chí Bồ Tát “***nhiếp trọn sáu căn***” là Ngài làm chủ sáu căn của mình không cho nó chạy theo khách trần phiền não. Sáu căn, sáu trần tự chúng là bản nhiên thanh tịnh phát xuất từ Như Lai Tạng bản thể thì làm gì có tội lỗi, xấu xa. Nhưng nếu con người không biết tự chủ mà để cho sáu căn dính mắc nơi sáu trần thì vọng tưởng mê lầm chắc chắn sẽ xảy ra. Đức Phật và các đại đệ tử của Ngài cũng còn nguyên mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý như tất cả mọi người, nhưng vì biết tự chủ sáu căn nên các Ngài luôn có Bồ Đề và tâm thường trụ Niết bàn. Các vị Tổ của Tịnh độ phát minh ra sáu chuỗi có 18 hạt là biểu tượng cho sáu căn, sáu trần và sáu thức. Khi niệm Phật, hành giả nắm chắc từng hạt một nghĩa là thu nhiếp từng căn không cho nó chạy tán loạn trong trần cảnh. Cái khó khăn nhất của pháp môn này là khi không niệm Phật, không thu nhiếp được sáu căn thì vọng tưởng sẽ nổi dậy trở lại vì “Định” chỉ có thể kèm chế chớ không tiêu diệt được “vọng tưởng”. Chỉ khi nào từ Định sang Tuệ thì vọng thức mới bị tiêu trừ. Vì vậy Ngài Đại Thế Chí dạy chúng sinh phải thực hành tịnh niệm tương tục.

Tịnh là không còn tạp niệm, không còn vọng tưởng. Vậy “***tịnh niệm tương tục***” có nghĩa là niệm Phật liên tục, không gián đoạn, ngày này qua ngày nọ, tháng này qua tháng nọ, năm này qua năm nọ, đời đời kiếp kiếp không lúc nào ngừng nghỉ cho đến khi đạt được nhất tâm. Có được nhất tâm bất loạn tức là tâm đã định và khi tâm định thì trí tuệ sáng suốt sẽ phát sinh nghĩa là chứng đắc Tam-ma-đề tức là định-tuệ viên dung hay là định-tuệ không “hai”.

Người tu Tịnh độ nói rằng pháp môn niệm Phật rất dễ, trăm người tu trăm người chứng, ngàn người tu ngàn người chứng. Thực tế có dễ như vậy chăng? Pháp môn niệm Phật được xếp hạng thứ 24, chỉ đứng sau Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông, thì tầm mức của nó dĩ nhiên rất là quan trọng, nhiệm màu. Nếu người niệm Phật chỉ trong một sát na để tâm chạy theo ngũ dục lạc của thế gian là sắc, tài, danh lợi, ăn ngon, ngủ nghỉ thì làm sao còn là tịnh niệm được? Dựa theo Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát thì nhiếp trọn sáu căn nghĩa là mắt không thấy tướng xấu đẹp, tai không nghe tiếng khen chê, mũi không ngửi mùi thơm thúi, lưỡi không nếm mùi ngon dở,

thân không tiếp xúc nóng lạnh ẩm êm và ý không phân biệt buồn vui, thương ghét cho đến khi đạt được công phu nhất tâm bất loạn. Nếu nói dễ thì quý vị đã nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tương tục được chưa? Hay dễ hơn là có nhiếp được căn nào không? Tịnh niệm còn không có tức là hằng ngày chỉ nghĩ nhớ ngũ dục lạc của thế gian thì là sao có được niệm trong sạch mà nói dễ hay khó?

Vậy khó, dễ là do tâm mình tạo chứ không phải các pháp khó dễ. Không giống như các viên thông ở đoạn kinh trước, chỉ lựa chọn từng căn để hạ thủ công phu, ở đây Ngài Đại Thế Chí Pháp Vương Tử nhiếp phục cả sáu căn, quy cả sáu căn đều thấu về nơi nhất niệm niệm Phật, không để tán loạn dong ruổi theo ngoại duyên. Tịnh niệm thường nối đuôi, không xen tạp một niệm nào khác mà chứng được niệm Phật tam muội tức là có được chánh định mà đạt đến cứu cánh nhất tâm bất loạn, giải thoát viên thông tự tại.

Thế nào là Cực Lạc?

Cực Lạc là cực kỳ an lạc, không còn khổ. Có thể hiểu đó là cõi tâm hoàn toàn thanh tịnh, an lạc. Con người vì có nhiều tham đắm với hình tướng nên Phật mới đưa ra phương tiện hình ảnh để dụ chúng sinh hồi đầu thị ngạn. Cũng như trong kinh Pháp Hoa, Phật dùng phương tiện dạy chúng sinh hiện đang ở trong căn nhà lửa. Nếu biết sự tai hại của lửa tham sân si, đốt cháy cả tâm linh thì nên hồi quy một lòng niệm Phật. Dần dần niệm Phật sẽ thay thế toàn bộ ác niệm khiến tâm tịnh dần và đi tới thuần tịnh thì có cõi Tịnh độ rồi. Khi ấy hành giả sống trong an lạc, trong cõi Cực Lạc ngay trong cõi đời này tức là “Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh” vậy.

Vì thế Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát nói rằng : *“Nếu đứng trên cương vị của tôi, với kinh nghiệm tu hành và sở đắc của bản thân tôi từ vô lượng kiếp cho đến nay và nếu hỏi tôi pháp môn nào là thù thắng nhất thì tôi xin thưa rằng tôi không chú ý đến các pháp môn khác, chỉ pháp môn thấu nhiếp lục căn, tịnh niệm luôn luôn tương tục, đặc tam-ma-đề, là đệ nhất”*.

Sau cùng, cổ thi có câu :

“Ngày trước đầu đường còn ruổi ngựa,

Hôm nay trong quách đã nằm yên”.

Hoặc là :

“Chớ hện đến già rồi niệm Phật,

Đồng hoang mờ trể thấy đông người”.

Chúng sinh nếu muốn phòng ngừa cơn vô thường chợt đến, mỗi thời khắc phải gắng chăm niệm Phật. Như thế, gặp giây phút cuối cùng mới không bối rối, hốt hoảng tay chân như Tô Đông Pha.

Vô thường và bệnh chết nó đến với mọi người bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu cho nên người học Phật đã biết nó như thế thì không sợ vô thường và coi thường bệnh chết. Vì thế cổ nhân cũng có câu :

”Mạc đãi lão lai phương niệm Phật,

Cô phần đa thị thiếu nguyên nhân”

Nghĩa là cái bệnh chết nó đến bất cứ lúc nào và bất cứ ai cho nên không phải già mới chết mà tuổi trẻ đầu xanh vẫn chết như thường vì thế chúng sinh cần tu tâm, niệm Phật ngay bây giờ chớ đừng đợi đến lúc già, lúc gần chết mới tu.

Tóm lại, dưới cái nhìn của phàm phu thì sanh tử là ưu bi khổ não, là buồn khổ đau thương vì phải xa lìa tất cả những gì mà con người yêu thương lưu luyến. Cũng vì có bản ngã và ngã sở nên chúng sinh thấy mình, người và vũ trụ là thật, là chắc chắn, là của mình nên khi phải lìa xa nó thì dĩ nhiên sẽ đau khổ vô cùng. Khi đã biết rõ những khổ đau, bất toàn như thế thì con người cố niệm Phật để lìa xa thế gian tội lỗi này mà có được sự an vui tịch diệt của Niết bàn. Nhưng dưới cái nhìn tuệ giác của Bồ Tát hay Phật nhãn của chư Phật thì “vạn pháp giai không” nghĩa là một khi con người lìa Tướng trạng mà thấy được thật Tánh của mình thì sanh tử là Không và ngay cả Niết bàn cũng là Không bởi vì cuộc đời là giả huyễn, là không thật nên sinh là không, tử là không và Niết bàn cũng là không. Không cột thì cần gì phải tháo gút, không ràng buộc thì cũng không cần giải thoát và không sanh thì không có diệt. Thêm nữa, vì quán biết sanh tử là không nên sinh không tham cầu và dĩ nhiên không sợ cái chết. Khi không còn chấp ngã thì không quan trọng cho cái thân giả huyễn này, sống thì an vui tự tại, không chạy theo tham đắm dục tình và lúc ra đi cũng an nhiên tự tại không lo, không sợ, không buồn, không tiếc. Vì thế nếu chúng sinh quán “vạn pháp giai không” để biết “nhiếp trọn sáu căn” và “tịnh niệm tương tục” thì dễ đạt đến niệm Phật tam muội mà có được nhất tâm. Nhất tâm là có tâm tự tại, tâm thanh tịnh tức là có Niết bàn, cực lạc rồi cần gì phải tìm cầu ở đâu xa.

---o0o---

Hết